

Số: 114/2026/QĐST-DS

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 330/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M1 (Mars)

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, Số I D, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1991 - Chức vụ: Giám đốc vùng xử lý nợ miền N IV

Đại diện theo uỷ quyền của bà Huỳnh Thị Kim L tham gia tố tụng:

- Ông Đinh Quang M - Chuyên viên Xử lý nợ

- Ông Nguyễn Văn H - Chuyên viên Xử lý nợ

- Ông Nguyễn Hồ Ngọc H1 - Chuyên viên Xử lý nợ

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 4, Toà nhà City House, số 485B Nguyễn Đình Chiểu, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (V1)

Trụ sở chính: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1976 - Chức

vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 3 - Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Tấn Đ tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Văn H2 - Chuyên viên Xử lý nợ
- Ông Trần Nhật B - Chuyên viên Xử lý nợ
- Ông Nguyễn Chí B1 - Chuyên viên Xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Trương Thanh B2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ I, khu phố M, phường C, tỉnh Đồng Nai

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Minh N, sinh năm 1979
2. Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Tổ 09, khu phố Minh Thành 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trương Thanh B2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng số tiền tạm tính đến ngày 17/4/2026 là 8.548.923.310 (Tám tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu chín trăm hai mươi ba nghìn ba trăm mười) đồng, trong đó nợ gốc là 3.931.081.660 (Ba tỷ chín trăm ba mươi một triệu không trăm tám mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, nợ lãi là 4.617.841.650 (Bốn tỷ sáu trăm mười bảy triệu tám trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm năm mươi) đồng. Cụ thể:

- Ông Trương Thanh B2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 số tiền tạm tính đến ngày 17/4/2026 là 8.121.477.144 (Tám tỷ một trăm hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 3.734.527.577 (Ba tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng, nợ lãi là 4.386.949.567 (Bốn tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi bảy) đồng.

- Ông Trương Thanh B2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tạm tính đến ngày 17/4/2026 là 427.446.166 (Bốn trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 196.554.083 (Một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn không trăm tám mươi ba) đồng, nợ lãi là 230.892.083 (Hai trăm ba mươi triệu tám trăm chín mươi hai nghìn không trăm tám mươi ba) đồng.

2.2. Ông Trương Thanh B2 tiếp tục phải thanh toán tiền lãi, lãi quá hạn đối với số nợ còn lại cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và văn bản

tín dụng của các khoản vay đã ký kể từ ngày 18/4/2026 cho khi ông Trương Thanh B2 thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Trường hợp ông Trương Thanh B2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để ưu tiên thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 33, tại địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BX 966061, số vào sổ cấp GCN: CH 01512 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/02/2015. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 02/6/2023 tại Văn phòng C, số công chứng 87622, quyền số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD;

Tài sản 2: Toàn bộ quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ số 32, tại địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 530884, số vào sổ cấp GCN: CH00330 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/01/2011. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 17/8/2023 tại Văn phòng C, số công chứng 13131, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD;

Tài sản 3: Toàn bộ quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 237, tờ bản đồ số 32, tại địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DK 121064, số vào sổ cấp GCN: CN02404 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã C cấp ngày 13/7/2023. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 17/8/2023 tại Văn phòng C, số công chứng 13131, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD;

Tài sản 4: Toàn bộ quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 34, tại địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DH 806139, số vào sổ cấp GCN: CS 11179 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/10/2022. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 17/8/2023 tại Văn phòng C, số công chứng 13131, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

Tài sản 5: Toàn bộ quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, tại địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CD 857700, số vào sổ cấp GCN: CS 00222 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/10/2016; Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 17/8/2023 tại Văn phòng C, số công chứng 13130, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

2.4 .Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để

thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Thanh B2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V

2.5. Về án phí: Ông Trương Thanh B2 chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 58.274.462 (Năm mươi tám triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng. Trả lại cho Công ty Cổ phần M1 số tiền 64.173.000 (Sáu mươi bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005511 ngày 28/10/2025 và trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền 22.064.000 (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005513 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

2.6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 (Năm triệu) đồng, ông Trương Thanh B2 tự nguyện chịu. Ông Trương Thanh B2 có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000 (Năm triệu) đồng mà Công ty Cổ phần M1 đã đóng cho Công ty Cổ phần M1, thời hạn thực hiện cùng với thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Ngọc Mai Phương**